

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày: 17-01-2018.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 226/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2017/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà V T H M, sinh năm 1955; địa chỉ: Số , đường , khu phố , phường T Ch H, Quận TĐ, Thành phố H C M, có mặt.

- Bị đơn: Bà P T H, sinh năm 1981 và ông L Q H, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Tổ , khu phố K L, phường T P K, thị xã T U, tỉnh B D. Bà H có mặt, ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà V T H M trình bày: Ngày 13/4/2015, bà M cho bà P T H và ông L Q H vay 200.000.000 đồng. Việc cho vay có lập thành hợp đồng vay có thế chấp tài sản bảo đảm được công chứng của Phòng công chứng số , tỉnh B D ngày 13/4/2015. Tài sản bảo đảm là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - quyền sở hữu nhà gắn liền đất số BO 313330 số vào sổ CH 03789 do UBND huyện T U cấp ngày 15/01/2014 cấp cho ông L Q H diện tích 313,6m² thửa đất số 155, tờ bản đồ số 4; thời hạn cho vay là 2 năm, lãi suất do các bên tự thỏa thuận mà không thể hiện trong hợp đồng. Ngoài lần vay tiền ngày 13/4/2017, bà H còn vay của bà M 3 lần khác với tổng số tiền 334.000.000 đồng. Đến ngày 14/6/2017, bà

H đã thanh toán cho bà M 170.000.000 đồng, còn nợ lại 164.000.000 đồng nợ gốc, đồng thời bà H với bà M làm văn bản “Giấy nhận nợ” xác định nợ còn lại giữa các bên. Do đó, bà Minh khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán 164.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi với mức lãi suất 3%/tháng tính từ ngày 11/9/2017 đến khi xét xử sơ thẩm, tiền lãi tạm tính là 29.500.000 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi là 193.500.000 đồng.

Biên bản làm việc ngày 11/12/2017, nguyên đơn bà V T H M cho biết, bà chỉ yêu cầu bà H và ông H trả cho bà nợ gốc 164.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 11/9/2017 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm, bà H đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - quyền sở hữu nhà gắn liền đất số BO 313330 số vào sổ CH 03789 do UBND huyện T U cấp ngày 15/01/2014 cấp cho ông L Q H; không yêu cầu bà H và ông H làm hợp đồng chuyển nhượng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Hợp đồng vay ngày 13/4/2015. Trường hợp bà H và ông H không thanh toán tiền vay cho bà M thì bà M yêu cầu cơ quan thi hành án bán đấu giá tài sản để thanh toán nợ cho bà M.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng vay tài sản ngày 13/4/2015 có công chứng, Giấy nhận nợ ngày 14/6/2017 có chữ ký của bà P T H và bà V T H M.

Bản tự khai ngày 31/10/2017, bà P T H xác định bà H có vay tiền của bà M nhiều lần, nhưng số tiền 164.000.000 đồng là tiền nợ gốc và lãi, trong đó nợ gốc chỉ còn 110.000.000 đồng. Bà H xác định bà có ký vào Hợp đồng vay tài sản ngày 13/4/2015 và Giấy nhận nợ ngày 14/6/2017.

Biên bản làm việc ngày 11/12/2017, bà P T H thừa nhận tổng số tiền bà H và chồng là ông H vay của bà Minh là 334.000.000 đồng, bà H đã thanh toán 170.000.000 đồng, còn nợ 164.000.000 đồng. Số tiền vay bà H dùng để chăn nuôi gà vịt để kiếm thu nhập trang trải chung cho gia đình. Bà H đồng ý trả nhưng do đang gặp khó khăn nên xin trả dần 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng 1 tháng. Bà H không đồng ý thanh toán lãi.

Bị đơn ông L Q H là chồng bà P T H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải lúc 13 giờ 30 phút ngày 04/12/2017; lúc 14 giờ ngày 14/12/2017; triệu tập tham gia phiên tòa lúc 08 giờ ngày 03/01/2018 và 08 giờ ngày 17/01/2018 nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà H thanh toán nợ gốc; bà M rút yêu cầu khởi kiện với bà H và ông về việc yêu cầu thanh toán lãi và đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - quyền sở hữu nhà gắn liền đất số BO 313330 số vào sổ CH 03789 do UBND huyện T U cấp ngày 15/01/2014 đã nhận của bị đơn theo hợp đồng vay có thể chấp. Bà M cho biết bà việc nhận thế chấp chưa làm thủ tục đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn bà P T H thừa nhận còn nợ bà M 164.000.000 đồng và đồng ý trả nợ gốc 164.000.000 đồng nhưng do đang gặp khó khăn nên xin trả dần 5.000.000 đồng/tháng, việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện với yêu cầu tính lãi bà không có ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn thanh toán 164.000.000 đồng nợ gốc là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ; đối với yêu cầu tính lãi do nguyên đơn có yêu cầu rút đơn khởi kiện tại Tòa án nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông L Q H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải 2 lần, triệu tập tham gia phiên tòa 2 lần nhưng vắng mặt không lý do. Việc ông H không đến Tòa án là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình tại Tòa án. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông L Q H

[2]. Về nội dung: Theo Hợp đồng vay ngày 13/4/2015 được ký giữa bà V T H M với bà L T H và ông L Q H thì thời hạn vay là 02 năm nhưng đến tháng 11/2017, bà H và ông H vẫn chưa thanh toán hết nợ nên bà Minh khởi kiện bà H và ông H là có cơ sở.

[3]. Bà M khởi kiện bà H và ông H yêu cầu thanh toán 164.000.000 đồng theo Hợp đồng vay ngày 13/4/2017; bà H thừa nhận khoản nợ này và đồng ý thanh toán cho bà M nhưng do ông H là chồng bà H cùng vay nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nên không có cơ sở ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên.

[4]. Căn cứ vào Hợp đồng vay ngày 13/4/2015, lời trình bày của bà H cho thấy, ngoài khoản vay chung 200.000.000 đồng thì bà H vay thêm của ông M 133.000.000 đồng, nhằm đáp ứng nhu cầu làm ăn, sinh hoạt chi tiêu chung của vợ chồng, bà H đã thanh toán 170.000.000 đồng, còn nợ lại 164.000.000 đồng, nên bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H và ông H có trách nhiệm liên đới thanh toán 164.000.000 đồng cho bà M là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 37 và 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Xử lý tài sản thế chấp: Tài sản thế chấp để đảm bảo việc thanh toán tiền của Hợp đồng vay tài sản ngày 13/4/2015 là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - quyền sở hữu nhà gắn liền đất số BO 313330 số vào sổ CH 03789 do UBND

huyện T U cấp ngày 15/01/2014 cấp cho ông L Q H. Bà H và bà M xác định chưa làm thủ tục đăng ký thế chấp. Bà M không yêu cầu bà H và ông H làm hợp đồng chuyển nhượng tài sản thế chấp theo Hợp đồng vay ngày 13/4/2015 mà đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H và ông H. Xét đây là sự tự nguyện của bà M và phù hợp với quy định tại Điều 316 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về tiền lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi nên căn cứ Điểm c, Khoản 1, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ giải quyết yêu cầu tính lãi.

[7]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán nợ gốc, đình chỉ giải quyết yêu cầu thanh toán lãi là có căn cứ.

[8]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 244, Điểm c Khoản 1 Điều 217, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 316 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V T H M đối với bị đơn bà P T H và ông L Q về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà P T H và ông L Q H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà V T H M 164.000.000 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn V T H M với bị đơn P T H, L Q H về việc yêu cầu thanh toán tiền lãi 29.500.000 đồng.

4. Bà V T H M có trách nhiệm trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - quyền sở hữu nhà gắn liền đất số BO 313330 số vào sổ CH 03789 do UBND huyện T U cấp ngày 15/01/2014 cấp cho ông L Q H.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P T H và ông L Q H phải nộp 8.200.000 đồng (tám triệu hai trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn bà V T H M và bị đơn bà P T H có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông L Q H vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA Dân sự thị xã Tân Uyên;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bích Huế